

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166 /2025/DS-PT

Ngày 18-9-2025

V/v tranh chấp tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Các Thẩm phán: Ông Đinh Trường Sơn

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thuỳ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Ông Hoàng Xuân Tân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về Tranh chấp tài sản trên đất.

Do bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2025/QĐ-PT, ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hạ Huy L, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội (nay là xã Q, Thành phố Hà Nội). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn C, bà Hoàng Thị Hương G – Luật sư, Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số F T, Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Anh Hạ Huy S, sinh năm 1988; Anh Hạ Huy X, sinh năm 1986; Anh Hạ Huy X1, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội (nay là xã Q, Thành phố Hà Nội). Bà N, anh S, anh X, anh X1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt tại các phiên tòa.

- Bà Hoàng Thu T, sinh năm 1974; anh Nguyễn Trọng P, sinh năm 1994, anh Nguyễn Trọng C1, sinh năm 1999; đều có địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Bà T có mặt. Anh P, anh C1 có đơn đề nghị không tham gia phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hạ Huy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hạ Huy L trình bày:

Tháng 10/2008 tôi cùng gia đình từ Thành phố Hà Nội lên tỉnh Hòa Bình để khai hoang trồng rừng (keo) và phát triển kinh tế tại xóm C, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Khu đất gia đình tôi khai hoang ở vị trí gần liền kề đất xóm C, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình diện tích khoảng 30 ha có tứ cận cụ thể như sau: Phía đông giáp ông K; Phía tây giáp ông Nguyễn Trọng Q; Phía nam giáp suối; Phía bắc giáp ông Nguyễn Văn T1 xóm C, xã Đ.

Do sạt lở khó đi lại nên tôi có thuê anh Hà Minh T2 làm đường vào vườn keo. Từ khi về khai hoang gia đình tôi đã phát dọn để trồng keo tại khu vực trên và khai thác theo chu kỳ. Năm 2009 tôi trồng trên 60.000 cây keo trên diện tích đất mà tôi khai hoang. Năm 2016, tôi thu hoạch gỗ (chu kỳ 1) và có bán cho anh Đào Hữu H ở xóm C, xã C huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên khi vận chuyển cây keo ra thì ông Nguyễn Trọng Q đã có hành vi chặn đường, ngăn cản không cho chở keo ra

Đến tháng 10 năm 2016, sau khi tôi thu hoạch xong cây keo đã trồng chu kỳ 1 thì tôi có mang 30.000 cây keo giống vào để trồng lại thì bị ông Q ngăn cản đánh không cho trồng sau đó ông Q còn đến mảnh đất của tôi nhổ, phá hết số cây keo tôi mới trồng và phá thêm 2 ha riêng của tôi gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của tôi. Kể từ đó ông Q đã có hành vi chiếm giữ đất cản trở việc sử dụng đất hợp pháp của tôi đồng thời chiếm luôn toàn bộ số cây keo tôi trồng trên toàn bộ diện tích đất nêu trên hiện tại số keo này đã được 08 năm.

Tôi cho rằng hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của ông Q là trái quy định pháp luật xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi sự việc trên cũng nhiều lần được Ủy ban nhân dân xã Đ, TP H hòa giải tranh chấp nhưng kết quả hòa giải không thành.

Nay tôi đề nghị Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Trọng Q phải trả lại cho tôi khoảng 26,7 ha đất và toàn bộ 30.000 cây keo trồng trên diện tích đất nói trên tại xóm C, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Buộc ông Nguyễn Trọng Q phải chấm dứt mọi hành vi quản lý, sử dụng trái phép diện tích đất 26,7 ha tại xóm C, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng Q trình bày:

Gia đình tôi có khai hoang canh tác, trồng keo tại xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình (giáp ranh với xã Đ, TP H). Ngày 26/3/2009 tôi có mua lại của ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966. Trú tại: Xóm C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình, nay là xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, diện tích khoảng 11,5 ha với giá 40 triệu đồng. Hai bên có viết Giấy bán đất đồi rừng với nhau, không có chính quyền địa phương xác nhận, có bà vợ ông T1 là bà Nguyễn Thị L1 chứng kiến và nhận tiền, Khi mua bán ông T1 có bàn giao thực địa đất rừng cho tôi, không đo đạc diện tích cụ thể mà chỉ tay ranh giới đất ông T1 bán cho tôi. Đất lúc này chưa được cấp Giấy CNQSD đất, trên đất là toàn bộ số cây keo của ông T1 trồng để lại cho tôi. Toàn bộ diện tích đất ông T1 bán cho tôi xung quanh không có hộ dân nào canh tác, trồng trọt gì, tôi trồng keo, canh tác, khai hoang đất lần dần nên mới có diện tích đất như hiện nay (khoảng 200 ha cả huyện L và TP H). Đến năm 2009 ông L hỏi mượn đất để trồng sắn tôi đồng ý cho ông La M đất không lập văn bản giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến mà chỉ nói miệng với nhau (ông L là chú rể, lấy cô ruột tôi) sau khi mượn đất ông L trồng sắn, đến khoảng năm 2010 thì ông L chuyển sang trồng keo. Cuối năm 2016 ông L thu hoạch bán keo được khoảng 1 tỉ đồng, tôi đòi lại đất để tôi trồng keo, không cho ông L trồng nữa. Bắt đầu từ năm 2017 thì tôi trồng keo và toàn bộ số keo trên đất hiện nay là của tôi, khoảng trên 2000 cây keo, đến tháng 7, tháng 8/2024 tôi đã cho thu hoạch keo. Ông La kiện tôi đến Công an huyện L và các cơ quan chức năng ở huyện L, khi các cơ quan có thẩm quyền đến giải quyết mới biết đất này nằm trên địa bàn của xã Đ, thành phố H quản lý. Do đó ông L mới khởi kiện tôi đến Công an thành phố H và TAND thành phố Hòa Bình.

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L với lý do: Toàn bộ diện tích đất trên là của tôi cho ông L mượn năm 2009 và toàn bộ số keo trồng trên đất là do tôi mua giống về trồng, không phải của ông L hay gia đình ông L, đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị N; Anh Hạ Huy S; Anh Hạ Huy X; Anh Hạ Huy X1 đều chung quan điểm trình bày: Đồng ý với tất cả các ý kiến của ông L liên quan đến vụ kiện.

Bà Hoàng Thị T3 trình bày: Tôi công nhận lời trình bày của chồng tôi (ông Q) là đúng sự thật. Ông L không có chứng cứ gì là đất và cây keo của ông L, đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của ông L.

Anh Nguyễn Trọng P, Nguyễn Trọng C1 có chung ý kiến: Không có công sức đóng góp tiền của gì trong việc bố mẹ các anh trồng keo tại xóm C, xã Đ, TP H, Toàn bộ quá trình mua bán đất, khai hoang đất, trồng keo, chăm sóc keo, thu hoạch keo là của ông Q, bà T3. Các anh không có quyền lợi, và nghĩa vụ gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hạ Huy L rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung buộc ông Nguyễn Trọng Q phải trả lại diện tích khoảng 26,7 ha đất tại xóm C, xã Đ, TP H, tỉnh Hòa Bình. Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng Q phải trả lại cho ông 30.000 cây keo trồng trên đất tại xóm C, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Số cây keo này hiện đã bị ông Q khai thác đem bán, do vậy yêu cầu ông Q phải bồi thường số tiền 2.520.000.000đ theo kết quả định giá tài sản.

Bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ) đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 160, 161, 221, 237 Bộ luật dân sự; Điều 202, Điều 203 Luật đất đai 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hạ Huy L ngày 04/04/2024, và các đơn khởi kiện bổ sung của ông L về việc: yêu cầu ông Nguyễn Trọng Q bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất là 30.000 cây keo trị giá 2.520.000.000đ (hai tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng) và buộc ông Nguyễn

Trọng Q phải chấm dứt mọi hành vi quản lý, sử dụng trái phép diện tích đất 26,7ha tại xóm C, xã Đ, thành phố H.

Đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng Q phải trả lại khoảng 26,7 ha đất tại xóm C, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/5/2025, nguyên đơn ông Hạ Huy L có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Bản án đã tuyên gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Hạ Huy L. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn nộp cho Tòa các văn bản gốc đơn xác nhận của Đào Hữu H, Bùi Văn L2, Bùi Thanh Q1, văn bản xác minh của xã Đ có đóng dấu treo của xã (tại cấp sơ thẩm ông L đã cung cấp các giấy tờ này nhưng là bản phô tô). Nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông L là người mua cây keo giống và trồng keo vào cuối năm 2016, đầu năm 2017 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hạ Huy L không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình về việc buộc ông Nguyễn Trọng Q bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất là 30.000 cây keo trị giá 2.520.000.000đ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, ông Hạ Huy L không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

Hạ Huy L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ tòa diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Hạ Huy L khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Trọng Q trả lại đất, bồi thường thiệt hại trên đất, chấm dứt mọi hành vi quản lý, sử dụng trái phép 26,7 ha đất tại xóm C, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Nguyên đơn Hạ Huy L kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, có văn không tham gia tố tụng. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Hạ Huy L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng Q trả lại khoảng 26,7 ha đất và toàn bộ 30.000 cây keo tại xóm C, xã Đ, TP H, tỉnh Hòa Bình. Đồng thời yêu cầu ông Q phải chấm dứt mọi hành vi quản lý, sử dụng trái phép đối với diện tích đất nêu trên.

Các đương sự đều công nhận diện tích đất đang tranh chấp chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa kê khai với chính quyền địa phương về việc sử dụng đất, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất để sử dụng mà do các đương sự tự canh tác, trồng trọt trên đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Hạ Huy L rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Trọng Q trả lại diện tích 26,7ha đất; yêu cầu ông Q trả lại 30.000 cây keo đã bị ông Q khai thác đem bán, vì số cây keo này hiện không còn nên yêu cầu ông Q bồi thường 2.520.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định yêu cầu khởi kiện của ông Hạ Huy L là không có căn cứ, tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hạ Huy L.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Hạ Huy L:

Nguyên đơn ông Hạ Huy L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ: 01 hóa đơn bán hàng ghi ngày 16/10/2016 của Cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp Đoàn Nga (BL225); 01 Giấy xin xác nhận khai thác đất rừng khai hoang trồng cây (BL226); 01 Bản tường trình của ông Bùi Văn Ổ (BL227); 01 Bản tự khai của ông Bùi Văn Ổ (BL250); các bản phô tô Đơn xin xác nhận của Đào Hữu H, Bùi Thanh Q1, Bùi Văn L2 (BL 22 – BL25); các bản phô tô biên bản kiểm tra xác minh theo nội dung đơn đề nghị của công dân của UBND xã Đ, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ: 01 Giấy chuyển nhượng đất rừng; các bản tự khai của của ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn D, bà Võ Thị C2, bà Nguyễn Thị H2.

Qua xem xét, nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

- Đối với hóa đơn bán hàng ghi ngày 16/10/2016 của Cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp Đoàn Nga, có nội dung ông Hạ Huy L, mua 3 vạn cây keo tai tượng, số tiền 45.000.000 đồng. Đây chỉ là hóa đơn bán lẻ, không phải hóa đơn giá trị gia tăng, trong khi giá trị hàng hóa là 45 triệu đồng nên không có cơ sở pháp lý để chấp nhận hóa đơn này. Mặt khác, trong đơn khởi kiện cũng như tại biên bản hòa giải, nguyên đơn đều khai nhận: Đến tháng 10/2026 khi tôi thu hoạch xong cây keo thì tôi có mang 30.000 cây keo giống vào trồng lại thì bị ông Q ngăn cản, chặn đánh không cho trồng. Sau đó, ông Q còn đến mảnh đất của gia đình tôi để nhổ, phá hết số cây keo tôi mới trồng (BL12, BL123). Như vậy, nếu ông L có mua 30 ngàn cây giống thì cũng không có căn cứ chứng minh ông L đã trồng và chăm sóc số cây đã trồng.

- Đối với Giấy xin xác nhận khai thác đất rừng khai hoang trồng cây của ông Hạ Huy L ngày 05/10/2019. Nội dung đơn ông L trình bày khu đất gia đình ông khai hoang từ năm 2008 gần liền kề đất xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; diện tích 30ha, đã trồng được 01 lứa keo và thu hoạch vào tháng 6/2016. Đề nghị các hộ giáp ranh xác nhận cho gia đình có khai hoang diện tích đất từ

năm 2008. Như vậy, nội dung giấy xác nhận trên chỉ xác nhận năm 2008 ông L khai hoang và đã trồng, thu hoạch 01 lứa keo vào năm 2016, không có nội dung nào liên quan đến việc ông Hạ Huy L đã trồng mới cây keo năm 2016.

- Đối với các đơn xác nhận của ông Đào Hữu H, Bùi Thanh Q1, Bùi Văn L2 và các biên bản kiểm tra, xác minh của UBND xã Đ, ông L giao nộp bản chính tại phiên tòa phúc thẩm tuy nhiên các đơn và biên bản xác minh trên không có nội dung nào liên quan, chứng minh việc trồng mới cây keo, chăm sóc cây keo trồng vào cuối năm 2016, đầu 2017 của ông Hạ Huy L.

- Đối với Bản tường trình của ông Bùi Văn Ổ (sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn S, H, K, Hòa Bình) là người được ông L thuê trồng keo. Hội đồng xét xử thấy rằng, bản tường trình của ông Ổ là bản đánh máy, xác nhận nội dung *“đến tháng 10 năm 2016 ông Hạ Huy L thu hoạch gỗ keo xong, thì ông Hạ Huy L lại đầu tư số lượng lớn cây keo giống để trồng lại tại thửa đất nêu trên”*. Bản tường trình trên còn có dòng chữ viết tay *“Số lượng cây giống keo là 30.000 cây”* và chữ ký của ông Ổ. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông Ổ khai là người không biết chữ, không biết viết và tại bản tự khai của ông Ổ do chính ông L là người viết giúp ông Ổ, tại biên bản này ông L cũng đã viết *“Tôi Hạ Huy La viết bản tự khai cho ông Ổ, do ông Ổ không biết chữ”*. Với việc ông Ổ không biết chữ nhưng bản tường trình lại có ghi thêm dòng chữ viết tay và có chữ ký của ông Ổ như vừa nêu ở trên thì đủ cơ sở khẳng định bản tường trình trên là không đúng thực tế. Đối với Bản tự khai của ông Bùi Văn Ổ, đây là bản mà ông L viết hộ và ông Ổ điểm chỉ. Tuy nhiên, ông Ổ là người không biết chữ, ngoài ông L thì không có người nào chứng kiến nội dung bản tự khai mà ông Ổ điểm chỉ có đúng nội dung ông Ổ khai không. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm ông Ổ cũng khai nhận có được ông L thuê trồng keo nhưng không nhớ trồng vào thời gian nào, trồng ở vị trí nào.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T1 là trưởng xóm C từ năm 2016 đến nay và cũng là người chuyển nhượng đất cho ông Q trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông L và ông Q là của gia đình ông khai hoang từ những năm 1997 – 1998, năm 2007 khi hộ ông Q trồng keo giáp ranh đặt vấn đề mua lại toàn bộ diện tích đất và keo thì gia đình ông T1 đã đồng ý bán lại với giá 40.000.000 đồng do không có người trông coi, hai bên có lập giấy viết tay, có bàn giao đất trên thực địa nhưng không đo đạc diện tích đất cụ thể. Việc ông L khai phá tôi không được biết mà chỉ biết ông Q và bà con xóm Can canh tác tại khu đồi Góc Mít.

Các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn D, bà Võ Thị C2, bà Nguyễn Thị H2 đều khai nhận là những người được ông Q thuê trồng keo năm 2017 tại đồi Góc M1, không thấy ông L đi lại vào rừng bao giờ. Ngoài ra, bà C2 còn là hàng xóm của ông Q và có trồng, chăm sóc keo ở ngay cổng vào đồi nhà ông Q nhưng bà C2 khai không thấy ông L vào khu vực này bao giờ.

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã xác định được: Diện tích đất tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông Hạ Huy L có nguồn gốc là đất dự phòng (theo bản đồ 02). Đến năm 2017 thì được quy hoạch là đất rừng sản xuất theo Quyết định 3042 của UBND tỉnh H. Diện tích đất này do UBND xã Đ quản lý, chưa giao cho tổ chức, các nhân hay hộ gia đình nào; cũng chưa có hộ gia đình nào đăng ký kê khai với chính quyền địa phương nên UBND xã Đ không cho ai thuê mướn, trồng trọt, canh tác gì. Như vậy, quyền quản lý thửa đất trên là của UBND xã Đ (nay là UBND phường K, tỉnh Phú Thọ) nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chấm dứt mọi hành vi quản lý, sử dụng trái phép trên diện tích trên là có căn cứ, đúng pháp luật,

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: nguyên đơn ông Hạ Huy L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trọng Q phải trả 30.000 cây keo trồng năm 2016 trị giá 2.520.000.000 đồng nhưng ông L không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc đất trồng keo là của mình, không chứng minh được việc năm 2016 ông đã trồng keo, chăm sóc cây keo, không chứng minh được số lượng cây keo khi ông Q thu hoạch. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hạ Huy L ngày 04/04/2024, và các đơn khởi kiện bổ sung của ông L về việc: yêu cầu ông Nguyễn Trọng Q bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất là 30.000 cây keo trị giá 2.520.000.000đ (hai tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng) và buộc ông Nguyễn Trọng Q phải chấm dứt mọi hành vi quản lý, sử dụng trái phép diện tích đất 26,7ha tại xóm C, xã Đ, thành phố H là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới nào chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hạ Huy L.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn Hạ Huy L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông L là người cao tuổi, đã

có đơn xin miễn án phí, do vậy theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Hạ Huy L được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hạ Huy L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Hạ Huy L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 18/9/2025./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III - TANDTC;
- Viện KSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Trường